

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2023

“V/v Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Anh Huê

2. Bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Tạ Phong Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trương Thị Thùy C. Địa chỉ: tiểu khu Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Bị đơn: anh Trần Đức N. Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/10/2022, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Thùy C trình bày: Chị Trương Thị Thùy C và anh Trần Đức N có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình vào ngày 28/3/2018. Quá trình C sống giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, anh Trần Đức N không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Chị C nhận thấy giữa vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên nguyện vọng muốn ly hôn với anh Trần Đức N.

Về quan hệ con C: Chị C trình bày, vợ chồng có 01 con C tên là Trần Đức Đăng Q, sinh ngày 15/9/2018. Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị C thay đổi ý kiến, yêu cầu anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản C và nợ C: chị C trình bày vợ chồng không có tài sản C và nợ C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải nhiều lần cho anh N nhưng anh N không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã L kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã cử cán bộ liên lạc giao đầy đủ cho anh N.

Theo Biên bản xác minh ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, ông Trần Đức U là bố ruột của anh Trần Đức N trình bày:

Anh N và chị C có quá trình tìm hiểu khoảng 01 năm thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 28/3/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chị C về bên ngoại sinh con và làm việc tại Đồng Lê. Vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì nên ông Ủy mong muốn chị C và anh N đoàn tụ để nuôi dạy con cái, tuy nhiên nếu chị C cương quyết ly hôn thì tùy theo chị C quyết định. Vợ chồng chị C và anh N có 01 con C tên là Trần Đức Đăng Q, sinh ngày 15/9/2018. Nếu vợ chồng chị C và anh N ly hôn thì gia đình ông Ủy có nguyện vọng Tòa án giao con cho anh N nuôi dưỡng và không yêu cầu chị C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị C đòi nuôi con thì gia đình ông Ủy sẽ không cấp dưỡng vì hiện tại anh N lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản C và nợ C: Vợ chồng anh N không có. Anh N đã biết việc chị C làm đơn xin ly hôn anh N nhưng do bận công việc nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến quá trình xét xử đều thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, 51, 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Đức N không thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch không có kiến nghị đối với vụ án này. Về nội dung vụ án: áp dụng Điều 227 và Điều 228 của

Bộ luật tổ tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Đức N. Về quan hệ tình cảm: áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị C được ly hôn với anh N. Về quan hệ con C: Giao con C Trần Đức Đăng Q, sinh ngày 15/9/2018 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: buộc anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản C và công nợ C: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tình cảm: Chị Trương Thị Thùy C và anh Trần Đức N tìm hiểu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 28/3/2018, vì vậy quan hệ hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị C và anh N và chị C sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, do mâu thuẫn trong cuộc sống nên anh chị đã ly thân đầu năm 2020 đến nay. Chị C trình bày không còn tình cảm với anh N và mong muốn xin được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống của bản thân. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị C và anh N đã trầm trọng, đời sống C không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, xét xử cho chị C được ly hôn với anh N.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 16/3/2023, do anh Trần Đức N vắng mặt lần thứ nhất nên đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai anh N tiếp tục vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Đức N.

[2] Về quan hệ con C: Vợ chồng chị C và anh N có một con C tên là Trần Đức Đăng Q, sinh ngày 15/9/2018. Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng con và yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, cháu Đăng Q còn nhỏ tuổi và đã sống với mẹ từ khi mới sinh cho đến nay vì vậy giao cháu Q cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về phần cấp dưỡng nuôi con: tại phiên tòa chị C yêu cầu anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, qua thông tin tại gia đình anh N cung cấp thì anh N hiện làm nghề tự do, thu nhập không ổn định

vì vậy buộc anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Về quan hệ tài sản C và nợ C: Chị C và anh N không có tài sản C và nợ C nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Trương Thị Thùy C phải nộp tiền án phí ly hôn, anh Trần Đức N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56, Điều 58, 81, 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt anh Trần Đức N.

2. Về quan hệ tình cảm:

Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Thùy C và anh Trần Đức N.

3. Về quan hệ con C:

3.1. Giao con C Trần Đức Đăng Q, sinh ngày 15/9/2018 cho chị Trương Thị Thùy C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3.2. Buộc anh Trần Đức N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị C mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con C tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản C và nợ C: Không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Trương Thị Thùy C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh Trần Đức N phải đóng 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung công quỹ nhà nước. Số tiền án phí chị C phải nộp được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số 0002197 ngày 28/10/2022. Chị C đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/4/2023). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã Liên Trường, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND thị trấn Đồng Lê;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

